

## NHẬN XÉT KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ NHẠY CẢM NGÀ CỦA KEM ĐÁNH RĂNG SENSITIVE MINERAL EXPERT BY P/S TRÊN CÔNG NHÂN NHÀ MÁY HANVICO - HÀ NỘI

Trương Thị Mai Anh\*, Trịnh Đình Hải\*, Đinh Diệu Hồng\*,  
Đỗ Thị Thu Hương\*, Trần Thị Ngọc Anh\*, Vũ Lê Phương\*

### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Nhận xét hiệu quả điều trị nhạy cảm ngà của kem đánh răng Sensitive Mineral Expert By P/S ở nhân viên nhà máy HANVICO- Hà Nội. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** 69 nhân viên công ty HANVICO-Hà Nội với 182 răng nhạy cảm ngà tham gia nghiên cứu. Tiến hành nghiên cứu can thiệp lâm sàng không đối chứng. **Kết quả:** Tỷ lệ ê buốt răng giảm 82,4% sau 4 tuần can thiệp.

**Từ khóa:** nhạy cảm ngà, kem đánh răng, Sensitive Mineral Expert By P/S.

### SUMMARY

#### EFFECTIVENESS OF SENSITIVE MINERAL EXPERT BY P/S TOOTHPASTE IN REDUCING DENTINE HYPERSENSITIVITY OF WORKERS AT HANVICO COMPANY IN HANOI

**Objective:** The aim to assess the effect of Sensitive Mineral Expert By P/S toothpaste in reducing dentine hypersensitivity of adults. **Subjects and method:** 69 adults working at HANVICO company in Hanoi with 182 sensitive teeth were included in this study. We conducted a prospective, descriptive study. **Results:** After 4 weeks of intervention, the rate of sensitive tooth decreased by 82,4%.

**Keywords:** dentine hypersensitivity, tooth sensitivity, sensitive tooth, toothpaste, Calcium silicate and sodium phosphate Sensitive Mineral Expert By P/S.

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhạy cảm ngà được mô tả là một triệu chứng nhói buốt ngắn xuất hiện từ phần ngà bị lộ ra khi đáp ứng với các kích thích như nhiệt độ, cọ sát cơ học, luồng hơi hay kích thích hóa học mà không phải do bất kỳ bệnh lý răng nào khác [1]. Theo một số nghiên cứu, tỷ lệ mắc nhạy cảm ngà khá dao động trong dân số, có thể lên tới 4-69% [1].

Tại Việt Nam, cũng có một số nghiên cứu về tình trạng nhạy cảm ngà, như Nguyễn Thị Từ Uyên [2], Tống Minh Sơn [3] [4], Trần Ngọc Phương Thảo cho thấy nhạy cảm ngà răng là một tình trạng phổ biến, có thể lên tới 85,8% [5]. Kết quả những nghiên cứu trên cho thấy

người trưởng thành bị nhạy cảm ngà chiếm một tỷ lệ đáng kể so với bệnh sâu răng và nha chu - hai bệnh răng miệng vốn được cho là phổ biến nhất hiện nay.

Điều trị nhạy cảm ngà ngày nay theo xu hướng sao cho dễ dàng, hiệu quả và lâu dài đã trở thành mối quan tâm hàng đầu cho cả bệnh nhân và bác sĩ. Một trong số các cách điều trị nhạy cảm ngà hiệu quả cho đa số bệnh nhân đơn giản là loại bỏ màng bám răng hàng ngày, từ đó sẽ cho sự tái khoáng hóa các ống ngà bằng khoáng chất tương tự như men răng bổ sung trong kem đánh răng có thể giảm đi rất nhiều cảm giác khó chịu của cơn đau nhạy cảm ngà. Tuy nhiên hiện nay chưa có nhiều nghiên cứu đánh giá tác động của kem đánh răng chống nhạy cảm ngà trên lâm sàng.

Vì vậy, nghiên cứu được tiến hành nhằm đánh giá hiệu quả điều trị nhạy cảm ngà của kem đánh răng có chứa Calci silicate và Sodium phosphat (Sensitive Mineral Expert by P/S) trên người nhân viên nhà máy HANVICO, Hà Nội.

### II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 1. Đối tượng nghiên cứu:

- **Tiêu chuẩn chọn mẫu:** Người trưởng thành từ 18 tuổi trở đang làm việc tại công ty Hanvico, Hà Nội được khám sàng lọc có tình trạng nhạy cảm ngà và đồng ý tham gia nghiên cứu

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Người không đạt các tiêu chuẩn nói trên

- **Loại trừ răng:** Những răng có bất kỳ bệnh lý hay khiếm khuyết khác. Những răng mang chụp hay được sử dụng làm trụ trong răng giả cố định, tháo lắp.

#### 2. Phương pháp nghiên cứu:

**2.1. Thời gian nghiên cứu:** từ tháng 01/12/2021 đến tháng 31/12/2021.

**2.2. Địa điểm nghiên cứu:** Công ty Hanvico

**2.3. Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu can thiệp lâm sàng không đối chứng nhằm đánh giá hiệu quả điều trị nhạy cảm ngà của kem chải răng Sensitive Mineral by P/S sau 2 tuần và 4 tuần theo dõi.

Đối tượng nghiên cứu được sử dụng kem đánh răng Sensitive Mineral by P/S giữa các lần tái khám sau 1 tuần, sau 2 tuần, sau 4 tuần

\*Trường Đại học Y Dược- Đại học Quốc gia Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Đinh Diệu Hồng

Email: dieuhong201@gmail.com

Ngày nhận bài: 15.12.2021

Ngày phản biện khoa học: 28.01.2022

Ngày duyệt bài: 17.2.2022

đánh giá mức độ nhạy cảm ngà bằng phương pháp kích thích xúc giác (sử dụng thám trâm điện tử Yeaple Probe) và kích thích hơi (Chỉ số VAS).

Thang đánh giá VAS 10 mức.

Mức 0: Không ê buốt.

Mức 1- 3: Ê buốt nhẹ.

Mức 4- 6: Ê buốt vừa phải.

Mức 7 -9: Ê buốt mạnh.

Mức 10: Ê buốt không chịu nổi.

#### 2.4. Các bước tiến hành:

**Bước 1:** Khám sàng lọc xác định đối tượng có tình trạng nhạy cảm ngà. Lập danh sách đối tượng nghiên cứu đủ tiêu chuẩn tham gia nghiên cứu.

**Bước 2:** Tiến hành can thiệp

- Hướng dẫn cách chải răng

+ Thời điểm chải răng: chải răng sau ăn sáng và trước khi đi ngủ;

+ Cách thức chải răng: phương pháp chải răng Bass cải tiến;

+ Số lần chải răng trong ngày: tối thiểu 2 lần trong một ngày;

+ Thời gian mỗi lần chải răng: tối thiểu 2 phút/lần;

+ Sau khi chải răng buổi tối dùng đầu ngón tay lấy 1 lượng kem đánh răng nhỏ bằng hạt đậu và mát xa nhẹ nhàng vùng răng ê buốt trong 30 giây.

- Đối tượng nghiên cứu được sử dụng kem đánh răng Sensitive Mineral by P/S giữa các lần tái khám sau 2 tuần, sau 4 tuần đánh giá mức độ nhạy cảm ngà bằng phương pháp kích thích xúc giác (Thang đánh giá Yeaple) và kích thích hơi (VAS).



Hình 2.2. Máy Yeaple đo độ nhạy cảm

### III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

**Bảng 1. Sự thay đổi tỷ lệ răng nhạy cảm trong quá trình can thiệp**

Thời điểm	Trước điều trị n (%)	Sau 2 tuần n (%)	Sau 4 tuần n (%)	P
Đối tượng HANVICO (182)	182 (100%)	132 (72,5%)	32 (17,6%)	0,000

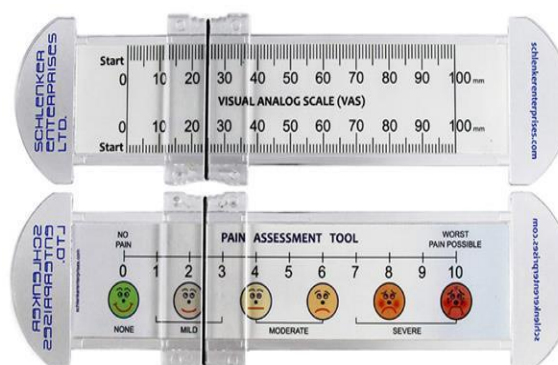
**Nhận xét:** Sau 2 tuần sử dụng kem đánh răng Sensitive Mineral Expert By P/S, tỷ lệ nhạy cảm ngà chỉ còn 72,5% và sau 4 tuần là 17,6%.

**Sự thay đổi có ý nghĩa thống kê p<0,001.**

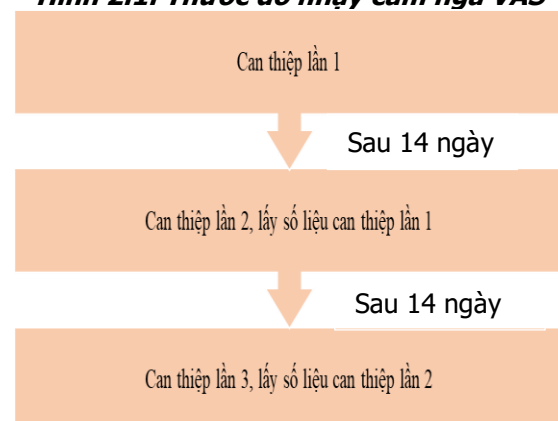
**Bảng 2. Sự thay đổi chỉ số VAS trong quá trình can thiệp**

Thời điểm	Trước điều trị X ± SD	Sau 2 tuần X ± SD	Sau 4 tuần X ± SD	P
Đối tượng HANVICO (182)	3,79 ± 1,676	1,45 ± 1,105	0,2 ± 0,467	0,000

**Nhận xét:** Mức nhạy cảm ngà VAS giảm dần theo thời gian điều trị. Trung bình chỉ số VAS trước điều trị là 3,79 ± 1,676 (mức nhạy cảm vừa), giảm còn 1,45 ± 1,105 (mức nhạy cảm nhẹ) sau 2 tuần điều trị và 0,2 ± 0,467 (không nhạy cảm) sau 4 tuần. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê p=0,000.



Hình 2.1. Thước đo nhạy cảm ngà VAS



Sơ đồ 2.1. Các bước can thiệp và lấy số liệu

- Thang đánh giá Yeaple:

Không nhạy cảm: Lực tác động tương đương 70g.

Nhạy cảm nhẹ: Lực tác động >40g - <70g.

Nhạy cảm vừa: Lực tác động >20g - 40g.

Nhạy cảm nặng: Lực tác động >10g - 20g.

Nhạy cảm rất nặng: Lực tác động ≤10g.

**2.5. Xử lý và phân tích số liệu.** Số liệu được đưa vào làm sạch bằng phần mềm Epi Data 3.2 và xử lý thống kê, phân tích bằng phần mềm Stata 16.

**Bảng 3. Sự thay đổi mức độ nhạy cảm theo Yeaple trong quá trình can thiệp**

Thời điểm Đối tượng	Trước điều trị X ± SD	Sau 2 tuần X ± SD	Sau 4 tuần X ± SD	p
HANVICO (182)	36,84 ± 17,162	60,91 ± 14,972	74,23 ± 6,748	0,000

**Nhận xét:** Mức độ nhạy cảm theo Yeaple trước điều trị là 36,84 ± 17,162 (nhạy cảm vừa) tăng lên 60,91 ± 14,972 (nhạy cảm nhẹ) sau 2 tuần điều trị và 74,23 ± 6,748 (không nhạy cảm) sau 4 tuần. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê p=0,000

**Bảng 3. Sự thay đổi chỉ số VAS theo các nhóm tuổi sau 4 tuần can thiệp**

Nhóm tuổi	Đối tượng	HANVICO		
		Trước can thiệp	Sau 4 tuần	p
< 20 tuổi		-	-	-
20 – 29 tuổi		2,93 ± 1,156	0,2 ± 0,708	<b>0,000</b>
30 – 39 tuổi		3,65 ± 1,984	0,19 ± 0,254	<b>0,000</b>
40 – 49 tuổi		4,26 ± 1,857	0,22 ± 0,576	<b>0,000</b>
≥ 50 tuổi		3,26 ± 1,892	0,14 ± 0,389	<b>0,000</b>

**Nhận xét:** Ở các nhóm tuổi đều có sự giảm đáng kể mức nhạy cảm ngà VAS sau 4 tuần can thiệp (p<0,001). Sự khác biệt giữa các nhóm tuổi không có ý nghĩa thống kê.

**Bảng 4. Sự thay đổi chỉ số VAS theo các nhóm nguyên nhân**

Nhóm tuổi	Đối tượng	HANVICO		
		Trước can thiệp	Sau 4 tuần	p
	<b>Co lợi</b>	3,69 ± 1,387	0,25 ± 0,573	0,000
	<b>Mòn cổ</b>	4,02 ± 1,986	0,2 ± 0,567	0,000
	<b>Mòn răng</b>	3,65 ± 1,634	0,13 ± 0,437	0,000

**Nhận xét:** Mức nhạy cảm ngà giảm rõ rệt sau 4 tuần can thiệp ở cả 3 nhóm nguyên nhân: co lợi, mòn cổ răng và mòn răng (p<0,001).

**IV. BÀN LUẬN**

Theo thuyết thủy động học, nhạy cảm ngà là do sự thay đổi dòng chảy trong ống ngà kích thích đầu mút thần kinh tận cùng ở vùng ranh giới ngà - tủy. Vì vậy, để điều trị nhạy cảm ngà có thể tác động vào các nhân tố trong chuỗi thủy động học như sau: Tăng ngưỡng kích thích thần kinh, làm đông dòng chảy trong ống ngà và bịt các ống ngà. Trong đó, phương pháp bịt kín các ống ngà bằng kem đánh răng được sử dụng tại nhà với các hoạt chất như flouride hoặc hợp chất canxi-phosphat ngày càng được sử dụng rộng rãi do tính đơn giản, hiệu quả và dễ tiếp cận cộng đồng. Joon Seong và cộng sự tiến hành nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng không đối chứng so sánh hiệu quả của kem đánh răng có chứa calcium silicate và sodium phosphate cho thấy nó hiệu quả hơn so với các kem đánh răng chứa flouride trong giảm tình trạng nhạy cảm ngà [6]. T Joon Seon và cộng sự 2020 đã tiến hành nghiên cứu thực nghiệm với kem đánh răng có chứa calcium silicate và sodium phosphate cho thấy nó giúp tạo thành các tinh thể HAP trên bề mặt ngà răng bị lộ và bịt kín các ống ngà, giúp bảo vệ ngà răng trước các kích thích và làm giảm triệu chứng nhạy cảm ngà [7]. Nghiên cứu thực nghiệm trên động vật sử dụng hợp chất canxi - phosphat trên bề mặt ngà răng cho thấy các ống ngà tắc đồng nhất và hoàn toàn với một khoáng

chất apatit. Trên lát cắt dọc quan sát thấy 50% ống ngà có kết tủa sâu trong lòng ống [8]. Các báo cáo lâm sàng đã chỉ ra rằng sau khi điều trị với hợp chất canxi-phosphat có đến 85% bệnh nhân giảm nhạy cảm ngay lập tức và có thể duy trì hiệu quả sau 6 tháng. Nghiên cứu của Trần Ngọc Phương Thảo đánh giá hiệu quả điều trị nhạy cảm ngà bằng kem đánh răng có hợp chất Calcium sodium phosphat 5% cho kết quả 90% bệnh nhân giảm nhạy cảm sau 4 tuần điều trị [5].

Chúng tôi thực hiện nghiên cứu thử nghiệm trên 182 răng có tình trạng ê buốt của 69 đối tượng thuộc công ty HANVICO đã được xác định có tình trạng ê buốt qua nghiên cứu sàng lọc. Các đối tượng nghiên cứu được sử dụng kem đánh răng có thành phần Calci silicate và Sodium phosphat (Sensitive Mineral Expert By P/S).

**Khi đánh giá nhạy cảm ngà bằng kích thích cọ xát với thám trâm điện tử Yeaple Probe:** nhóm nghiên cứu có cường độ lực cọ xát trung bình gây khởi phát nhạy cảm ngà (chỉ số Yeaple) đều tăng một cách có ý nghĩa qua các thời điểm đánh giá, đưa tình trạng nhạy cảm ngà mức độ vừa ở T0 về mức độ không nhạy cảm sau 4 tuần.

**Khi đánh giá nhạy cảm ngà bằng thang VAS với kích thích luồng hơi:** Mức nhạy cảm ngà (chỉ số VAS) giảm một cách có ý nghĩa sau khi điều trị, đưa tình trạng nhạy cảm ngà mức độ

vừa ở thời điểm ban đầu về mức độ không nhạy cảm sau 4 tuần. Sự giảm mức độ nhạy cảm ngà không khác biệt giữa các nhóm tuổi và các nhóm nguyên nhân.

Điều đó có nghĩa mức độ nhạy cảm ngà đã giảm rõ rệt sau 4 tuần sử dụng kem đánh răng Sensitive Mineral Expert By P/S, không phụ thuộc vào nguyên nhân và nhóm tuổi. Kết quả này không chỉ dựa trên ghi nhận cảm giác của bệnh nhân mà chúng tôi sử dụng thang đánh giá nhạy cảm ngà bằng kích thích luồng hơi VAS kết hợp với kích thích cọ sát bằng máy đo độ nhạy cảm Yeaple có mức độ tin cậy cao.

## V. KẾT LUẬN

Sử dụng kem đánh răng có chứa calcium silicate và sodium phosphate (Sensitive Mineral Expert by PS) có sự giảm mức độ nhạy cảm ngà rõ rệt sau 4 tuần sử dụng.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. N. West, J. Seong, M. Davies, Dentine hypersensitivity, Monogr. Oral Sci. 25 (2014) 108–122, <https://doi.org/10.1159/000360749>.

2. Nguyễn Thị Từ Uyên. Tình trạng quá cảm ngà răng của sinh viên Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh. Published online 2010.
3. Tống Minh Sơn. Nhạy cảm ngà răng ở cán bộ Công ty Than Thống Nhất, tỉnh Quảng Ninh. Tạp chí Nghiên cứu Y học. 2012;80(4):77-80.
4. Tống Minh Sơn. Tình trạng nhạy cảm ngà răng của nhân viên công ty Bảo hiểm Nhân thọ tại Hà Nội. Tạp chí Nghiên cứu Y học. 2013;85(5):31-36
5. Trần Ngọc Phương Thảo. Mô tả tình trạng, tỷ lệ nhạy cảm ngà và một số yếu tố nguy cơ ở thành phố Hồ Chí Minh. Published online 2013.
6. T Joon Seong, Robert G. Newcombe, Jane R Matheson et al (2020). A randomised controlled trial investigating efficacy of a novel toothpaste containing calcium silicate and sodium phosphate in dentine hypersensitivity pain reduction compared to a fluoride control toothpaste. Journal of Dentistry 98 (2020)
7. Haoze Li a, Weining Liu a, Huan-Jun Zhou et al (2020). In vitro dentine tubule occlusion by a novel toothpaste containing calcium silicate and sodium phosphate. Journal of Dentistry, 103S
8. Gandolfi M.G, Silvia F, Gasparotto G. Calcium silicate coating derived from Portland cement as treatment for hypersensitive dentine. J Dent. 2008;36(8):565-578.

## MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM BỆNH HỌC VÀ KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ ÁP XE TUYẾN VÚ TẠI KHOA NGOẠI B – BỆNH VIỆN K

Lê Văn Vũ\*, Lê Hồng Quang\*

### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Đánh giá đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị áp xe tuyến vú tại khoa Ngoại B Bệnh viện K. **Phương pháp:** Nghiên cứu mô tả kết hợp hồi cứu và tiền cứu trên 215 bệnh nhân áp xe tuyến vú được điều trị tại Bệnh viện K từ tháng 10/2020 đến tháng 11/2021. **Kết quả:** tuổi trung bình là 27,9 ± 8,2 tuổi; tỷ lệ khối áp xe trên 5cm là 61,9%; đa số trường hợp có 1 ổ tổn thương 60,5%; 94,4% bệnh nhân đã điều trị kháng sinh trước vào viện và 50,7% trường hợp đã trích rạch ổ áp xe; xét nghiệm vi sinh phân lập vi khuẩn có kết quả 63,6%; tụ cầu vàng chiếm 91,5%; tỷ lệ điều trị khỏi bệnh chiếm 91,6%; các đặc điểm của ổ áp xe liên quan đến thất bại điều trị bao gồm: kích thước ổ áp xe trên 5cm, tổn thương lan tỏa.

**Từ khóa:** áp xe tuyến vú

### SUMMARY

#### CLINICOPATHOLOGICAL CHARACTERISTICS

\*Bệnh viện K

Chịu trách nhiệm chính: Lê Hồng Quang

Email: bslequang@gmail.com

Ngày nhận bài: 13.12.2021

Ngày phản biện khoa học: 26.01.2022

Ngày duyệt bài: 15.2.2022

### AND TREATMENT OUTCOMES OF BREAST ABSCESS AT K - HOSPITAL

**Objective:**To evaluate clinical and paraclinical characteristics and treatment results of breast abscess at K - Hospital. **Method:** A descriptive study was conducted with 215 breast abscess patients who were diagnosed from 10/2020 to 11/2021. **Results:**mean age was 27.9 ± 8.2; the proportion of abscess over 5cm was 61.9%; the proportion of single lesions was 60.5%; 94.4% of patients had antibiotic treatment before hospital admission; 50.7% of patients underwent drain procedure; the proportion of bacterial growth was 63.6%; staphylococcus aureus accounted for 91.5%;abscess features related to treatment failure include: abscess size over 5cm, diffuse lesions.

**Key words:** breast abscess

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Áp xe tuyến vú là một tình trạng nhiễm trùng nặng ở vú do vi khuẩn gây ra. Bệnh thường gặp đối với phụ nữ trong thời kỳ cho con bú với tỷ lệ gặp trong khoảng 0,19 – 0,84%. Tuy nhiên, có nhiều trường hợp xảy ra với cả phụ nữ không cho con bú. Loại vi khuẩn thường xuyên gây nhiễm trùng vú là Staphylococcus aureus. Vi khuẩn có thể thâm nhập thông qua một vết nứt ở da của vú hoặc núm vú. Sự nhiễm trùng này